

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỂU CẦN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/HS-ST  
Ngày: 18-4-2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Kiến Quốc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Bé;

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí

Ông Lâm Văn Phong;

Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Huyện Đoàn Tiểu Cần.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Sơn Thị Hoa Lan - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Linh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 22/2017/HSST, ngày 30 tháng 3 năm 2017 đối với bị cáo: Kim So Vi D (tên gọi khác: Nhách), sinh năm 1990 tại huyện T, tỉnh Trà Vinh; trú tại: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 09/12; con ông Kim C và bà Kim Thị Ngọc M; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: không; tiền án: không; bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/3/2017 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Người bị hại:**

1/ Bà Thạch Thị Sa B, sinh năm 1981 (có mặt)

2/ Ông Thạch H, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Trú tại: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Kim Thị Rặt Xà M, sinh năm 1987 (có mặt)

Trú tại: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người phiên dịch:* Ông Thạch Mô N, Chủ tịch Hội người cao tuổi thị trấn T. (có mặt).

### **NHẬN THẤY:**

Bị cáo Kim So Vi D bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần truy tố về hành vi phạm tội như sau: Do có quen biết nhau từ trước nên khoảng 20 giờ ngày 12/02/2017 bị cáo Kim So Vi D điều khiển xe đạp của chị ruột là bà Kim Thị Rặt Xà M cho bị cáo mượn làm phương tiện đi lại, đến nhà bà Thạch Thị Sa B ngụ cùng ấp để chơi. Khi đến nhà bà Sa B, bị cáo đi vào cửa sau, sau đó bị cáo ra nhà trước sạc điện thoại và đi qua nhà người anh của bà Sa B uống rượu.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, bị cáo quay trở lại nhà bà Sa B, khi vào nhà, bị cáo nhìn thấy chồng bà Sa B là ông Thạch H đang nằm vờng ngủ ở nhà trước, có mở đèn chiếu sáng và ánh sáng chiếu vào trong buồng. Lúc đó, cửa buồng không có khóa, bị cáo đi vào trong buồng và nhìn thấy trên kệ, dưới hộp đầu đĩa có 01 (một) tờ tiền polime, mệnh giá 500.000 đồng. Lúc này, bị cáo thấy không có ai nên bị cáo nảy sinh ý định đến lấy trộm thì phát hiện có nhiều tờ tiền polime, có mệnh giá 500.000 đồng, bị cáo lấy cất giấu vào túi quần nhưng bị cáo không có đếm là bao nhiêu tiền. Sau đó, bị cáo đến lấy điện thoại mà bị cáo đã sạc trước đó và đi ra nhà trước thì gặp con của bà Sa B là anh Thạch Q nên bị cáo lấy xe đạp chở anh Thạch Q đến nhà ngoại của anh Thạch Q, ngụ cùng ấp để uống rượu, một lát sau bị cáo đi vệ sinh và lấy tiền mà bị cáo lấy trộm tại nhà bà Sa B ra đếm được 05 (năm) tờ tiền polime, đều mệnh giá 500.000 đồng, tổng cộng là 2.500.000 đồng, rồi bị cáo tiếp tục rủ anh Thạch Q đến nhà ông Kim S, ngụ cùng ấp để uống rượu. Trong lúc uống rượu, bị cáo lấy tiền ra thì ông Kim S và anh Thạch Q thấy bị cáo có nhiều tiền, sau đó nghỉ uống rượu, bị cáo lấy xe đạp đưa anh Thạch Q về nhà ngoại của anh Thạch Q, rồi bị cáo quay lại nhà ông Kim S ngủ.

Đến sáng ngày 13/02/2017 anh Thạch Q nói với bà Sa B nghe về việc hỏi tội thấy bị cáo có nhiều tiền nên bà Sa B vào phòng kiểm tra số tiền 4.000.000 đồng mà bà đã cất giữ trước đó và bà Sa B phát hiện đã bị mất số tiền 2.500.000 đồng.

Sau khi phát hiện bị mất trộm, bà Sa B cùng với anh Thạch Q đến gặp bị cáo đang uống rượu tại nhà anh Sơn N, ngụ cùng ấp và hỏi bị cáo: *“Có lấy trộm tiền của bà không?”*, bị cáo trả lời: *“Không có lấy”*, bà Sa B tiếp tục hỏi bị cáo nhiều lần, thì bị cáo kêu bà Sa B về nhà đi, chiều bị cáo đem tiền trả cho. Nghe vậy, bà Sa B kiểm tra trong túi quần của bị cáo chỉ còn số tiền 300.000 đồng, rồi bà Sa B lấy số tiền này cất giữ và trình báo đến Công an xã B.

Sau khi tiếp nhận tin báo, cơ quan Công an tiến hành mời bị cáo Kim So Vi D đến làm việc và bị cáo Kim So Vi D đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của bà Sa B với số tiền là 2.500.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 09/CT-VKS ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố bị cáo Kim So Vi D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

### **XÉT THẤY**

Tại phiên tòa bị cáo Kim So Vi D đã khai nhận việc lén lút chiếm đoạt 2.500.000 đồng của ông Thạch H và bà Thạch Thị Sa B đúng như cáo trạng đã truy tố. Theo lời khai của người bị hại ông Thạch H và bà Thạch Thị Sa B có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa xác nhận có mất tài sản là 2.500.000 đồng như bị cáo đã thừa nhận chiếm đoạt của ông Thạch H và bà Thạch Thị Sa B.

Phần tranh luận, sau khi phân tích nội dung vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, h, g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Kim So Vi D từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại ông Thạch H và bà Thạch Thị Sa B không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Kim So Vi D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét lời khai của bị cáo Kim So Vi D tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng. Vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu chứng cứ khác như biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, sơ đồ hiện trường và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Với các tình tiết và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ chứng cứ để xác định: Khoảng 21 giờ ngày 12/02/2017 bị cáo Kim So Vi D đã lén lút chiếm đoạt 2.500.000 đồng tiền Việt Nam của ông Thạch H và bà Thạch Thị Sa B. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản người khác của bị cáo Kim So Vi D đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Xét tội phạm bị cáo thực hiện tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của những người bị hại được pháp luật bảo vệ, hành vi phạm tội của bị cáo còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội. Đồng thời, trong thời gian gần đây trên địa bàn huyện Tiểu Cần

tình hình trộm cắp tài sản diễn ra rất phức tạp, để góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự trên địa bàn huyện nên cần xử phạt bị cáo với mức án tù có thời hạn mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; phạm tội gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số có trình độ nhận thức pháp luật thấp; người bị hại ông Thạch H và bà Thạch Thị Sa B không yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại các điểm b, g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử xét thấy việc áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

**Về trách nhiệm dân sự:** Người bị hại ông Thạch H và bà Thạch Thị Sa B đã được bồi thường thiệt hại đủ tài sản bị mất là 2.500.000 đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Kim Thị Rặt Xà M tự nguyện bồi thường cho người bị hại 2.200.000 đồng thay cho bị cáo, hiện nay bị cáo đã trả lại cho bà Kim Thị Rặt Xà M được 2.000.000 đồng, tại phiên tòa bà Kim Thị Rặt Xà M không có yêu cầu bị cáo trả số tiền còn lại là 200.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**Về án phí:** Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1/ Tuyên bố:** Bị cáo Kim So Vi D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 33 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Kim So Vi D 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bị bắt chấp hành án.

**2/ Về trách nhiệm dân sự:** Người bị hại ông Thạch H và bà Thạch Thị Sa B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kim Thị Rặt Xà M không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**3/ Về án phí:** Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Kim So Vi D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**4/ Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại ông Thạch H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh (1);
- VKSND huyện (2);
- THADS (1);
- THAHS (02);
- UBND nơi bị cáo cư trú (01);
- Bị cáo (01);
- Người bị hại (02);
- NCQLVNVLQ (01);
- Lưu hồ sơ vụ án (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Kiến Quốc**